

# Tương quan nhà nước và thị trường trong quan điểm của Chủ nghĩa tự do mới và những gợi ý cho Việt Nam<sup>1</sup>

ĐỖ ĐỨC QUÂN

**T**ương quan giữa nhà nước và thị trường là một vấn đề căn bản trong điều tiết kinh tế vĩ mô. Đây là mâu thuẫn lớn cần phải giải quyết sáng tạo, phù hợp trên con đường phát triển của mỗi quốc gia. Bài viết nghiên cứu quan hệ giữa nhà nước và thị trường trong quan điểm của Chủ nghĩa tự do mới ở một số nước tư bản hàng đầu (Mỹ, Đức, Anh) và đề xuất gợi ý cho Việt Nam.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa tự do mới, tư nhân hóa, cổ phần hóa, kinh tế hỗn hợp.

## 1. Giới thiệu

Tương tác giữa nhà nước và thị trường là quá trình nhà nước và thị trường cùng tham gia điều tiết nền kinh tế. Khi nhà nước xuất hiện và từng bước tham gia vào quản lý kinh tế thì nền kinh tế luôn chịu tác động của hai nhân tố: khách quan (các quy luật vốn có của nền kinh tế) và chủ quan (sự điều tiết của nhà nước). Khi nền kinh tế phát triển từ kinh tế hàng hóa giản đơn lên kinh tế thị trường thì tư duy kinh tế của nhân loại cũng phát triển từ các tư tưởng kinh tế thành các học thuyết kinh tế. Trong lịch sử, quá trình này được đánh dấu bằng sự ra đời và thắng thế của chủ nghĩa tư bản và các học thuyết kinh tế đầu tiên là các lý thuyết của Chủ nghĩa trọng thương. Từ đây cái chủ quan và cái khách quan cùng điều tiết nền kinh tế là nhà nước và thị trường. Tùy điều kiện, hoàn cảnh của mỗi quốc gia mà các lý thuyết đề cập đến vị trí, vai trò của hai nhân tố này khác nhau – hay mối quan hệ tương tác cũng khác của các trường phái. Trong điều kiện kinh tế thị trường, một trường phái lý luận đề cao vai trò của các quy luật khách quan trong sự vận động của nền kinh tế thì được gọi là “trường phái tự do kinh doanh” và đạt đến một trình độ nào đó thì trở thành “chủ nghĩa tự do”; trường phái lý luận đề cao cái chủ quan – vai trò của nhà nước; và đương

nhiên sẽ còn một trường phái đứng ở giữa hay sử dụng linh hoạt cả hai lực lượng này sẽ là trường phái “Hỗn hợp”. Những tư tưởng và lý thuyết tự do kinh tế được bắt đầu từ Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh, được gọi là trường phái Cổ điển (thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX) đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có một số biến đổi được gọi là “Tân cổ điển” và sau đó thoái trào do khủng hoảng kinh tế và sự thắng thế của Học thuyết Keynes về vai trò kinh tế của nhà nước và lại hồi sinh, phát triển trở lại từ những năm 70 của thế kỷ XX – được gọi là “Chủ nghĩa tự do mới” – tân cổ điển, sau cuộc khủng hoảng 2008 đang được xem xét và điều chỉnh lại.

Chủ nghĩa tự do mới là trường phái kinh tế tập trung vào các giá trị của một nền kinh tế toàn cầu (toàn cầu hóa) thị trường tự do, thương mại tự do và sự lưu thông không hạn chế của đồng vốn; biện hộ cho những nguyên tắc chính phủ tối thiểu, chỉ tiêu tối thiểu, đánh thuế tối thiểu, điều tiết tối thiểu và can thiệp trực tiếp tối thiểu vào nền kinh tế<sup>2</sup>. Có thể hiểu, Chủ nghĩa tự do mới là trường phái

Đỗ Đức Quân, TS., Học viện Chính trị khu vực I.

1. Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ NAFOSTED.

2. Nguyễn Văn Thanh: *Nhân dân online*, <http://reds.vn/index.php/chinh-tri/cnxh-cntb/2557-chu-ng-hia-tu-do-moi-hoc-thuyet-nguy-hiem>.

kinh tế cho rằng, trong nền kinh tế tất cả các chủ thể đều có quyền tự do sản xuất kinh doanh, để cao vai trò khách quan các quy luật kinh tế thị trường. Như vậy, tương quan giữa nhà nước và thị trường trong chủ nghĩa tự do mới là để cao vai trò thị trường hay thiên về thị trường.

## **2. Chủ nghĩa tự do mới ở Anh, Đức, Mỹ**

### **2.1. Chủ nghĩa tự do mới ở Anh**

Cuộc khủng hoảng năm 1974 do tăng trưởng thấp, lạm phát cao làm tiền đề cho thời cơ của chủ nghĩa tự do mới, những bước ngoặt chỉ đến từ năm 1979 khi ở Anh, bà Margaret Thatcher lên nắm quyền. Đây là chính phủ tự bản phát triển đầu tiên công khai cam kết áp dụng Chủ nghĩa tự do mới trong hoạt động thực tiễn. Nhưng Chủ nghĩa tự do mới ở Anh đã phát triển khá đặc biệt: khởi xướng và thực hiện một chương trình tư nhân hóa kinh tế nhà nước. Sau thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử năm 1983 của bà Margaret Thatcher, Chính phủ đã xây dựng một chương trình kinh tế lớn gồm rất nhiều vấn đề: chế ngự nhà nước phúc lợi và chỉ tiêu chính phủ, cam kết giảm sự can thiệp trực tiếp của chính phủ vào nền kinh tế, tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước, những nỗ lực được kết hợp nhằm giảm mức thuế cao rất vô lý khiến việc kinh doanh gặp khó khăn, cam kết cắt thâm hụt ngân sách.

Những bước tiến đầu tiên nhằm thực hiện tư nhân hóa khá khiêm tốn, hai công ty Cable & Wireless và British Aerospace thuộc nhóm phải tư nhân hóa đầu tiên. Cách thức quan trọng nhất để tiến hành tư nhân hóa trong những năm đầu tiên là bán lại những khu vực nhà thuộc sở hữu nhà nước cho những người đang sinh sống ở đó. Những trạm xăng dọc theo các xa lộ, những khách sạn thuộc hệ thống đường sắt nhà nước và một công ty chuyên sản xuất chất đồng vị phóng xạ sử dụng trong y tế cũng được rao bán. Giai đoạn này, British Steel là công ty nhà nước cuối cùng bị bán, lực lượng lao động của công ty đã cắt giảm mạnh, năng suất lao động của công ty tăng đột ngột, các

trang thiết bị được hợp lý hóa. British Steel đã hoạt động có lời và cạnh tranh được trên thế giới.

Sau đó, Chính phủ Thatcher đã tiến hành một chương trình tư nhân hóa lớn hơn có ảnh hưởng vượt ra khỏi biên giới quốc gia. Đầu tiên là xóa bỏ hệ thống điện thoại nhà nước dưới mô hình Công ty British Telecom. Ngay sau khi được tư nhân hóa, chất lượng dịch vụ tăng lên đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Công ty khí đốt Anh, Hãng Hàng không Anh (British Airways) và Công ty Thép Anh đã theo bước. Tiếp sau là Công ty Than đá Anh (British Coal) và Công ty Đường sắt Anh (British Rail). Hệ thống cấp nước quốc doanh đã được tư nhân hóa dưới hình thức của hàng loạt những công ty ở cấp khu vực. Chương trình tư nhân hóa có quy mô đồ sộ nhất đã phá vỡ sự độc quyền của công ty điện lực do nhà nước sở hữu thành 12 công ty phân phối điện cấp khu vực, 3 công ty sản xuất điện và một công ty cung cấp dịch vụ mạng lưới mở.

Đến năm 1992, khoảng hai phần ba số ngành kinh doanh thuộc sở hữu nhà nước đã được chuyển sang khu vực tư nhân. Tổng cộng 46 doanh nghiệp chủ lực, với 900.000 công nhân đã được tư nhân hóa và Chính phủ thu về hơn 30 tỷ USD. Nhưng kết quả quan trọng nhất của tư nhân hóa là đã thay đổi quan hệ thể chế cơ bản, vốn đã được định hình ở nước Anh từ năm 1945 làm cho đất nước đi vào bế tắc trong năm 1979.

Giai đoạn 1990-1997, nước Anh thực hiện hình thức Sáng kiến tài chính tư nhân (PFI) - các công ty, tổ chức tư nhân cho chính phủ vay tài chính thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng công - một hình thức có thể xem gần gũi với tư nhân hóa.

Giai đoạn 1997-2008, Chính phủ tiếp tục mở rộng thực hiện PFI sang các lĩnh vực giao thông tàu điện ngầm (London Underground), y tế (Cơ quan Dịch vụ sức khỏe quốc gia) và giáo dục (xây dựng trường học). Năm 2009, bắt đầu tư nhân hóa các ngân hàng nhà nước. Năm 2012, Ngân hàng Northern Rock được bán và để cập khả năng sẽ tư nhân hóa

Tập đoàn Royal Mail cùng một số lĩnh vực giao thông, giáo dục, y tế.

### 2.2. Chủ nghĩa tự do mới ở Đức

Bị tổn thất nặng nề sau Thế chiến thứ II, để vượt qua được khó khăn này, người Đức cho rằng bên cạnh các cải cách chính trị tổng thể, cần phải có những cải cách toàn diện về kinh tế. Tuy có nhiều ý kiến khác nhau nhưng có một điểm mấu chốt được nhất trí cao là: mọi cải cách kinh tế đều phải xuất phát từ lĩnh vực ngân hàng và tiền tệ. Sau những bàn luận thì tư tưởng về "nền kinh tế thị trường xã hội" do Alfred Muller - Armack đề xướng vào năm 1946 được ủng hộ và triển khai. Từ năm 1948 "Đạo luật về các quy định cho việc kinh doanh và chính sách giá cả sau cuộc cải cách tiền" được thực thi và có hiệu lực với chủ trương để cao tự do kinh doanh, tự do cạnh tranh, bảo vệ các chủ thể kinh tế, các lợi ích công cộng, chống độc quyền... Kết quả, ngay trong tháng 7-1948 có tới 90% các quy định về giá cả trước đó và việc đóng cứng tiền lương bị bãi bỏ, sự tự do về hợp đồng tiền lương được đảm bảo, các côngxócxiom được thành lập trước đó bị giải thể, việc hợp nhất các doanh nghiệp gây hạn chế cho cạnh tranh bị cấm...

Việc đảm bảo các quyền tự do cá nhân là cơ sở quan trọng thúc đẩy thị trường phát triển, hạn chế những can thiệp, tuy nhiên những tác động này sẽ rất hạn chế nếu không tự do hóa ngoại thương. Sau khi thành lập, Cộng hòa liên bang Đức gia nhập Liên minh thanh toán Châu Âu năm 1950, Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) năm 1951, Quỹ Tiền tệ quốc tế năm 1952... Vào năm 1953, có tới 90% tổng nhập khẩu được tự do hóa... Tất cả những điều đó đã gia tăng áp lực cạnh tranh. Sau khi Hiến pháp của Nhà nước Cộng hòa liên bang Đức được thông qua (23-5-1949), cùng với những nỗ lực phát triển kinh tế thị trường thì việc cân bằng xã hội cũng được chú ý nhiều - các đạo luật về lao động, về xã hội... được ban hành; vấn đề chăm sóc nạn nhân chiến tranh, phân phối gánh nặng do chiến tranh hay do những cải cách kinh tế gây ra được chú trọng...

### 2.3. Chủ nghĩa tự do mới ở Mỹ

Nước Mỹ được coi là có một nền kinh tế hỗn hợp, bởi vì cả doanh nghiệp sở hữu tư nhân và Chính phủ đều đóng những vai trò quan trọng. Quả thực, một số trong những cuộc tranh luận kéo dài nhất của lịch sử kinh tế Mỹ tập trung vào vai trò tương đối của các khu vực nhà nước và tư nhân.

Hệ thống doanh nghiệp tự do của Mỹ nhấn mạnh đến sở hữu tư nhân. Các doanh nghiệp tư nhân tạo ra phần lớn hàng hóa và dịch vụ và gần hai phần ba tổng sản lượng kinh tế của quốc gia là dành cho tiêu dùng cá nhân (một phần ba còn lại được mua bởi chính phủ và doanh nghiệp). Trên thực tế, vai trò của người tiêu dùng lớn đến mức quốc gia này thỉnh thoảng được mô tả là có một "nền kinh tế tiêu dùng".

Sự nhấn mạnh này đối với sở hữu tư nhân xuất phát một phần từ niềm tin của người Mỹ về tự do cá nhân. Ngay từ thời lập quốc, người Mỹ đã lo sợ quyền lực quá mức của chính phủ và họ luôn tìm cách hạn chế uy quyền của chính phủ đối với cá nhân - bao gồm cả vai trò của chính phủ trong lĩnh vực kinh tế. Hơn nữa, người Mỹ nhìn chung đều tin rằng một nền kinh tế được đặc trưng bởi sở hữu tư nhân dường như hoạt động hiệu quả hơn so với nền kinh tế đặc trưng bởi sở hữu nhà nước.

Người Mỹ tin rằng khi các nguồn lực kinh tế được giải phóng, cung và cầu sẽ xác định giá cả của hàng hóa và dịch vụ. Đến lượt nó, giá cả sẽ mạch bảo các doanh nghiệp nên sản xuất cái gì; nếu mọi người muốn một loại hàng hóa đặc biệt nào đó nhiều hơn lượng cung của nền kinh tế thì giá hàng hóa đó sẽ tăng lên. Điều này thu hút sự chú ý của các công ty khác hoặc các công ty mới, những công ty này cảm thấy có cơ hội kiếm được nhiều lợi nhuận và bắt đầu sản xuất hàng hóa này nhiều hơn. Ngược lại, nếu mọi người có cầu ít hơn về một loại hàng hóa nào đó thì giá của nó sẽ giảm đi và các nhà sản xuất có ít khả năng cạnh tranh sẽ ngừng kinh doanh hoặc tiến hành sản xuất loại hàng hóa khác. Một hệ thống kinh tế như vậy được gọi là nền kinh tế thị trường. Tuy

vậy, doanh nghiệp tự do cũng có những hạn chế. Người Mỹ luôn tin rằng một số dịch vụ do nhà nước đảm nhận sẽ tốt hơn các doanh nghiệp tư nhân. Chẳng hạn, Chính phủ Mỹ chịu trách nhiệm chủ yếu đối với các hoạt động về tư pháp, giáo dục (mặc dù có rất nhiều trường học và trung tâm đào tạo tư nhân), hệ thống đường giao thông, báo cáo thống kê xã hội và an ninh quốc phòng. Hơn nữa, Chính phủ cũng thường được yêu cầu can thiệp vào nền kinh tế để điều chỉnh những tình huống mà ở đó hệ thống giá cả không hoạt động. Chính phủ cũng giải quyết những vấn đề nằm ngoài phạm vi của các lực lượng thị trường.

Trong nền kinh tế hỗn hợp này, các cá nhân có thể giúp định hướng cho nền kinh tế không chỉ thông qua các lựa chọn khi họ là người tiêu dùng mà còn thông qua các lá phiếu họ bầu chọn các quan chức, những người thảo ra chính sách kinh tế. Trong những năm gần đây, người tiêu dùng tỏ ra lo lắng về tình trạng an toàn của sản phẩm, về thảm họa môi trường do một số ngành công nghiệp nhất định gây ra, và những nguy cơ tiềm ẩn về sức khỏe mà người dân có thể phải gánh chịu; chính phủ đã đáp ứng lại những mối quan ngại này bằng việc lập ra các cơ quan bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nâng cao phúc lợi công cộng nói chung.

Trong khi người tiêu dùng và người sản xuất đưa ra phần lớn các quyết định hình thành nên nền kinh tế, thì các hoạt động của Chính phủ có tác động mạnh đến nền kinh tế Mỹ ít nhất trên bốn lĩnh vực: ổn định và tăng trưởng, điều tiết và kiểm soát, các dịch vụ trực tiếp và hỗ trợ trực tiếp.

Luật Cải cách phúc lợi được ban hành năm 1996 dưới thời Tổng thống Bill Clinton (1993-2001), đòi hỏi mọi người phải làm việc như là một điều kiện để được nhận phúc lợi và đưa ra các giới hạn về khoảng thời gian mà các cá nhân có thể nhận được tiền<sup>3</sup>.

### 3. Những đặc trưng và xu hướng phát triển của Chủ nghĩa tự do mới ở các nước tư bản phát triển vào những thập kỷ đầu thế kỷ XXI

#### 3.1. Những đặc trưng của Chủ nghĩa tự do mới hiện đại

Một là, gương cao ngon cờ của Chủ nghĩa tự do mới, năm 1980, Ronald Reagan được bầu làm Tổng thống Mỹ, thập kỷ tự do mới bắt đầu hình thành ở Mỹ. Kinh tế Mỹ đã trải qua một cuộc tái cơ cấu sâu sắc ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống xã hội. Tái cơ cấu tự do mới đó tập trung vào biến đổi vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế, kéo theo việc hạn chế sử dụng chi tiêu của Chính phủ và đánh thuế để điều hòa chu kỳ kinh doanh, nối lỏng hoặc hủy bỏ điều tiết của Chính phủ đối với hành vi của tư bản trong các lĩnh vực trong nước và quốc tế, tư hữu hóa các doanh nghiệp nhà nước và tiện ích công, cắt giảm mạnh ngân sách cho các chương trình xã hội. Sự tái cơ cấu đó được gọi là "tự do mới" bởi nó là một hình thức được cập nhật và cực đoan hơn của lý thuyết kinh tế "tự do cổ điển" do Adam Smith và David Ricardo phát triển trong thế kỷ XVIII và XIX, với lập luận rằng nền kinh tế tư bản chủ yếu tự điều tiết thông qua hoạt động của các lực lượng thị trường.

Chủ nghĩa tự do mới ngày nay có quy mô rộng lớn hơn do sự tiến bộ của khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, đã làm cho các dân tộc gần với nhau hơn và do toàn cầu hóa cùng với hội nhập quốc tế đang diễn ra trên một phạm vi rộng hơn với cường độ mạnh mẽ hơn.

Hai là, kinh tế thị trường kết hợp tự do cá nhân, nâng lực hoạt động kinh tế với công bằng xã hội hay kinh tế thị trường - xã hội. Đặc trưng này được thể hiện rõ nhất trong mô hình kinh tế Đức.

Mô hình này theo đuổi các mục tiêu: bảo đảm và nâng cao tự do về vật chất cho mọi công dân bằng cách bảo đảm cơ hội kinh doanh cá thể bằng một hệ thống an toàn xã hội; thực hiện công bằng xã hội theo nghĩa là công bằng trong khởi nghiệp và phân phối; bảo đảm ổn định bên trong của xã hội (khắc phục khủng hoảng kinh tế, mất cân đối).

3. [http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/documents/onomy\\_ii.html](http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/documents/onomy_ii.html)

Tư tưởng trung tâm của mô hình là: tự do thị trường, tự do kinh doanh, không có sự khống chế của độc quyền, bảo vệ quyền sở hữu tư nhân, bảo vệ hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa, tính độc lập kinh tế và chịu trách nhiệm của chủ doanh nghiệp, thừa nhận vai trò nhất định của Nhà nước (để đảm bảo phối hợp sự tự do kinh tế với các quy tắc và chuẩn mực xã hội).

Các tiêu chuẩn của nền kinh tế thị trường xã hội: tuyệt đối đảm bảo quyền tự do cá nhân; bảo đảm công bằng xã hội thông qua các chính sách xã hội của nhà nước; chính sách kinh doanh theo chu kỳ, nhà nước phải có chính sách khắc phục hậu quả của khủng hoảng chu kỳ, điều chỉnh mất cân đối; chính sách tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội; chính sách cơ cấu được coi là tiêu chuẩn đặc trưng, hạt nhân trong chính sách tăng trưởng (vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo yêu cầu cách mạng khoa học công nghệ, đào tạo con người...); bảo đảm tính phù hợp với cạnh tranh trên thị trường, ngăn ngừa sự phá vỡ hay hạn chế cạnh tranh quá mức trên thị trường... Ngày nay, lý thuyết này được phát triển thành lý thuyết "Xã hội có tổ chức", "Xã hội phúc lợi chung".

Ba là, tư nhân hóa khu vực kinh tế nhà nước, bắt đầu từ nước Anh sau đó lan sang các nước khác thành trào lưu. Tư tưởng trung tâm "đó là một quốc gia trong đó người dân sở hữu nhà của, cổ phiếu, có vị thế trong xã hội, và trong đó họ có của cải để lại cho các thế hệ tương lai". Nổi bật nhất trong chương trình tư nhân hóa là rút yếu tố nhà nước ra khỏi hoạt động kinh doanh. Chính phủ tách rời khỏi kinh doanh, giảm sự can thiệp của Chính phủ, các bộ ngành vào nền kinh tế, tăng hoạt động hiệu quả và chấm dứt các khoản trợ cấp của chính phủ. Tư nhân hóa sẽ giúp các tập đoàn lớn hoạt động hiệu quả hơn, là cơ sở để cải thiện hiệu suất kinh tế, giúp sức cạnh tranh của kinh tế.

Với chương trình này Chính phủ tư nhân hóa tất cả những công ty nhà nước hoạt động yếu kém, thua lỗ, cùng lúc đó tập trung vào

những công ty khác để giảm thua lỗ; chấm dứt sự độc quyền cung cấp các dịch vụ công của các nghiệp đoàn lớn; chuyển trọng tâm từ trách nhiệm nhà nước sang trách nhiệm cá nhân, đặt ưu tiên hàng đầu lên sự sáng tạo, khuyến khích và việc tạo ra của cải hơn là sự phân phối lại và công bằng; thành lập các cơ quan điều chỉnh nhằm đưa ra các luật lệ giám sát và kiểm soát sự hoạt động của các ngành, nền kinh tế đồng thời hệ thống các luật lệ này cũng đảm bảo sự cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng; đảm bảo hoạt động tài chính diễn ra lành mạnh; giữ vững quốc phòng, an ninh; phát triển và đẩy mạnh giáo dục, tạo ra và giữ gìn nền an sinh xã hội hiệu quả.

### **3.2. Xu hướng phát triển của Chủ nghĩa tự do mới ở các nước tư bản tiên tiến những thập kỷ đầu thế kỷ XXI**

Một là, lịch sử phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa, có thể thấy rõ tính chu kỳ của các lý thuyết gắn với tính chu kỳ của các cuộc khủng hoảng kinh tế: khi nền kinh tế bị khủng hoảng do vai trò điều tiết của nhà nước bị xem nhẹ, còn thị trường được "thả lỏng" thì lý thuyết Keynes được tôn vinh. Còn khi nền kinh tế trì trệ kéo dài, chủ yếu do nhà nước can thiệp quá sâu, trong thời gian dài vào nền kinh tế, tính năng động của các lực lượng thị trường bị kìm hãm thì lúc đó, lý thuyết "bàn tay vô hình" và Trường phái Tân Cổ điển lại được đề cao. Thực ra, đây là một quá trình điều chỉnh để tái lập sự cân bằng chức năng nhà nước - thị trường trong việc điều hành nền kinh tế. Một sự thiên lệch lý luận kéo dài khi áp dụng vào cuộc sống sẽ dẫn đến sự méo mó trong mô hình thực tiễn.

Hai là, cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính năm 2008 có quy mô toàn cầu và chịu sự tác động mạnh mẽ của toàn cầu hóa kinh tế. Nó có bản chất toàn cầu và do đó, bắt nguồn từ những căn nguyên thuộc về những xu hướng mới của thời đại.

Toàn cầu hóa về thực chất là quá trình tự do hóa. Với toàn cầu hóa, các dòng tài chính, đầu tư và thương mại di chuyển tự do trên phạm vi toàn cầu với tốc độ rất cao. Xu hướng

chung là các dòng vận động này tuân thủ “luật chơi toàn cầu”, thực chất là luật chơi thị trường ngày càng tự do hóa. Theo xu hướng đó, sự vận động của các nguồn lực ngày càng vượt ra khỏi sự chế ước của các quy tắc quản trị quốc gia, tức là thoát khỏi sự điều tiết nhà nước ở từng quốc gia cụ thể. Ở cấp độ đó, nó bắt nguồn từ những điều kiện mang tính thời đại, vượt khỏi những giả định truyền thống của cả lý thuyết “Tân cổ điển” lẫn lý thuyết Keynes, vốn lấy phạm vi thể chế quốc gia làm địa bàn hoạt động chính.

Nó cũng khẳng định phải có những luật chơi và thể chế quản trị toàn cầu tương ứng, không bị trói buộc bởi những thể chế quản trị quốc gia vốn rất khác biệt, thậm chí, trái ngược và xung đột nhau. Khủng hoảng thể chế quản trị nền kinh tế toàn cầu cũng có thể xem là một nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Đến đây, có hai vấn đề đặt ra: (1) những kết quả tăng trưởng “ngọan mục” của kinh tế thế giới dưới tác động của quá trình “toàn cầu hóa - tự do hóa” đã tạo nên một thứ “men say” thị trường tự do với sự can dự ít hơn của quản lý nhà nước vào nền kinh tế trong nhiều quốc gia. Cơ chế lãi suất thấp mà Cục Dự trữ liên bang Mỹ áp dụng kéo dài nhiều năm chính là hệ quả của thứ men say đó. Ở khía cạnh này, chúng ta có thể ghi nhận sự thiếu hụt năng lực quản trị phát triển của nhà nước trong phạm vi quốc gia. (2) Mâu thuẫn giữa quá trình toàn cầu hóa với các quy tắc quản trị quốc gia hiện hành. Cuộc khủng hoảng cho thấy rất rõ nhu cầu của sự phối hợp luật chơi, phối hợp hành động toàn cầu cùng những thể chế quản trị phát triển hữu hiệu ở cấp độ toàn cầu (và khu vực) của tất cả các quốc gia. Những hoạt động sôi động chưa từng thấy của các cấu trúc G-7, G-8, sự ra đời của G-20, nhóm BRIC (Braxin, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc) hay G-2 (Mỹ, Trung Quốc), TPP (Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương) đang được đàm phán... cùng với các thể chế truyền thống như Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế, Tổ chức Thương mại thế giới,

Ngân hàng Phát triển Châu Á... chứng tỏ nhu cầu và xu hướng toàn cầu hóa quản trị phát triển kinh tế. Những động thái và xu hướng thực tiễn mới mẻ này đã vượt khỏi biên giới của nhiều lý thuyết kinh tế chủ yếu trên thế giới hiện nay.

Ba là, đầu thế kỷ XXI, đặc biệt là sau khủng hoảng kinh tế năm 2008, tương quan nhà nước - thị trường sẽ biến đổi theo những chiều hướng nào và sâu sắc đến mức nào vừa là một câu hỏi rất lớn, vừa là vấn đề quyết định cả sự lựa chọn chiến lược quốc gia lẫn phương hướng phát triển của các lý thuyết kinh tế. Về ngắn hạn, sự gia tăng chủ nghĩa bảo hộ và sự can thiệp sâu hơn, chặt chẽ hơn của nhà nước (quốc gia) vào nền kinh tế. Xu hướng ngắn hạn này mâu thuẫn với các xu hướng dài hạn của quá trình toàn cầu hóa - tự do hóa và trong một chừng mực nhất định, cản trở quá trình hình thành các thể chế kinh tế, thể chế quản trị phát triển toàn cầu.

Về dài hạn, nổi lên mấy xu hướng lớn sau: (1) những xu hướng cơ bản vẫn được khẳng định, nhưng có những biểu hiện, động thái và tác động mới, như xu thế phát triển kinh tế tri thức: chuyển sang một nhịp mới về chất, sẽ được thúc đẩy rất mạnh ở các nền kinh tế (“huồng quốc”) mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, tạo nên một cuộc đua tranh - cạnh tranh khoa học - công nghệ quyết liệt giữa các nền kinh tế dẫn đầu thế giới. Xu hướng này sẽ là một động lực phát triển rất mạnh, thậm chí mạnh nhất, của kinh tế thế giới trong những thập niên tới. Nó có tác dụng làm chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu thị trường toàn cầu, mở ra những cơ hội và lựa chọn mới cho các nền kinh tế. (2) Xu thế toàn cầu hóa: liên kết kinh tế xuyên quốc gia và liên quốc gia tiếp tục được đẩy mạnh. Vai trò chi phối mạng kinh tế toàn cầu của các tập đoàn xuyên quốc gia (TNCs) tiếp tục được khẳng định. Tuy nhiên, dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tương quan sức mạnh giữa các TNCs; giữa các nhóm TNCs quốc gia đang có sự dịch chuyển mạnh mẽ, trong đó, đặc biệt nổi lên vai trò của các TNCs Trung Quốc, lục

lượng sẽ cạnh tranh trực diện với các TNCs Mỹ, EU và Nhật Bản.

*Bốn là*, lĩnh vực quản trị phát triển toàn cầu thay đổi mạnh mẽ theo hai hướng chính: thay đổi các thể chế và các nguyên tắc và luật lệ điều chỉnh, phối hợp, liên kết kinh tế quốc tế; sự phối hợp các khối liên kết và các chính phủ gia tăng mạnh trong việc ứng phó với các biến cố toàn cầu. Cùng với sự liên kết này, cuộc đấu tranh để thay đổi trật tự và luật chơi, giữa những đối thủ chính là Mỹ - Trung Quốc - Nhật Bản - EU (có thể tính thêm sự tham dự ngày càng sâu của BRIC) sẽ gia tăng cường độ. Xung đột và tranh chấp tài nguyên, tranh chấp thị trường, tranh chấp không gian trở nên gay gắt, đóng vai trò cốt lõi của các cuộc xung đột và tranh chấp quốc tế. Suy thoái môi trường toàn cầu nghiêm trọng, trở thành một biến số lớn quy định hành động phối hợp chiến lược toàn cầu và định hình chiến lược quốc gia.

Bên cạnh những xu hướng "vốn cơ" nêu trên, sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 còn làm nổi lên những xu hướng mới:

+ Diễn ra quá trình định vị lại tương quan sức mạnh và cục diện phát triển quốc tế. Hai biến số này sẽ thay đổi nhanh chóng và sâu sắc trong giai đoạn tới, trong đó, điển hình nhất là sự trỗi dậy của Trung Quốc để tranh giành vị trí ảnh hưởng trong hệ thống kinh tế quốc tế. Cuộc cạnh tranh giành quyền chi phối và phạm vi ảnh hưởng đến kinh tế thế giới và khu vực giữa Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản sẽ diễn ra trên toàn tuyến, công khai và ngày càng quyết liệt.

+ Tái cấu trúc kinh tế toàn cầu, với một số nội dung nổi bật là: xu hướng dịch chuyển mạnh các dòng đầu tư, trong đó cần đặc biệt lưu ý đến xu hướng đầu tư của Trung Quốc và từ Trung Quốc ra bên ngoài; cùng với xu hướng phát triển công nghệ cao được thúc đẩy mạnh mẽ ở các nước phát triển, diễn ra quá trình di chuyển công nghệ trên quy mô lớn (cực lớn) theo hai xu hướng (chuyển công nghệ cao về phía BRIC và di chuyển công nghệ thấp từ các nền kinh tế đi trước sang các nền kinh tế đi sau có đẳng cấp thấp hơn). Các xu hướng

di chuyển vốn và công nghệ nói trên tác động rất mạnh đến hướng và chất lượng các dòng đầu tư nước ngoài. Các hệ quả xã hội (di chuyển lao động) và môi trường (ô nhiễm, cạn kiệt tài nguyên) to lớn, nhất là đối với những nước nghèo đi sau.

+ Hình thành tương quan tiền tệ thế giới mới, trong đó, đồng đô-la, đồng euro suy yếu tương đối, bên cạnh sự nổi lên mạnh mẽ của đồng nhân dân tệ. Sự thay đổi tương quan này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến cục diện phát triển toàn cầu, và đặc biệt, có ảnh hưởng trực tiếp mạnh mẽ đến Việt Nam.

#### 4. Một số gợi ý chính sách trong điều hành nền kinh tế Việt Nam

*Một là*, trong điều kiện các doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả và chiếm tỷ trọng lớn, đòi hỏi phải đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ với chủ trương lớn là cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Mặt khác, các doanh nghiệp Việt Nam vừa hợp tác vừa cạnh tranh với các doanh nghiệp tư bản nước ngoài nên cần giảm mạnh những doanh nghiệp nhỏ, thua lỗ và tập trung hơn vào các ngành và lĩnh vực then chốt. Doanh nghiệp nhà nước tiếp tục giữ vai trò nòng cốt trong toàn bộ nền kinh tế đất nước, đáp ứng cơ bản những yêu cầu về quốc phòng và an ninh, về những dịch vụ công ích hướng về người nghèo. Nhà nước giữ cổ phần chi phối trong những doanh nghiệp quan trọng với quốc kế dân sinh. Kiên quyết chống lại những khuynh hướng lệch lạc nhằm biến cổ phần hóa thành tư hữu hóa.

*Hai là*, khi chuyển giao các dịch vụ công và một số chính sách xã hội cho thị trường, chủ nghĩa tự do mới thực hiện "người sử dụng phải trả tiền" hoặc chính sách "thu hồi chi phí", Nhà nước Việt Nam đã có chủ trương "Nhà nước và nhân dân cùng làm" và rất xem trọng chính sách đối với người nghèo. Hàng loạt các chương trình đã ra đời và đi vào cuộc sống như xây dựng nhà tình thương cho người nghèo không đủ tiền để xây nhà; xây dựng nhà tình nghĩa cho người thân của các liệt sĩ đã hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc; khám chữa bệnh

